TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ Số: 72/2022/QĐST - HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *T, ngày 30 tháng 11 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 114/2022/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: **Chị Phùng Thị D**, sinh năm 1985;
  Địa chỉ: khu Ch 3, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn*: ông Bùi Đức D – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ;
- *Bị đơn:* **Anh Trần T**, sinh năm 1987.
  Địa chỉ: khu V, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn*: bà Đinh Thị H – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều: 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2022 là hoàn 7T tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Công nhận sự thuận tình ly hôn:** Giữa chị Phùng Thị D và anh Trần T.
2. **Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau**:
   a. *Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con:* Chị D và anh T có 01 (một) con chung là cháu Trần Thị Th, sinh ngày 28/6/2019. Khi ly hôn, anh T được trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Thuận đến khi thành niên. Chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thuận cùng anh T, mức cấp dưỡng là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng)/1 tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 12/2022 đến khi cháu Thuận thành niên.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

b. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

c. *Về án phí:* Miễn toàn bộ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và tiền án phí cấp dưỡng cho chị Phùng Thị D; miễn toàn bộ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho anh Trần T theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng, nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện, tỉnh;*
- *THADS huyện;*
- *UBND xã X;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai